

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THANH KHÊ
TP ĐÀ NẴNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **18/2018/HNGĐ-ST**

Ngày 14.5.2018

V/v "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Hậu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thuận

Bà Lê Thị Nhó

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thái - Thư ký Toà án nhân dân quận Thanh Khê.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tiến Bách - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2018 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân quận Thanh Khê xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 678/2017/TLST-HNGĐ ngày 27.12.2017 và tranh chấp "*Ly hôn, nuôi dưỡng con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 678/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10.4.2018, Quyết định Hoãn phiên tòa số 678/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27.4.2018 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Bà **Trương Thị Thùy T**, Địa chỉ: Tổ X, phường Y, quận C, TP. Đà Nẵng. *Có mặt*

**** Bị đơn:*** Ông **Trần Nguyễn Minh Th**, Địa chỉ: Số V, đường G, phường H, quận K, TP. Đà Nẵng. *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn bà Trương Thị Thùy T trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Nguyễn Minh Th xây dựng gia đình vào năm 2015, đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận K, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân tự nguyện.

Sau khi chung sống thời gian ngắn thì giữa vợ chồng bà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình quan điểm sống không phù hợp, mặt khác

do ông Th không lo làm ăn nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, có lúc còn xảy ra xô xát. Bà T đã nhiều lần khuyên can nhưng ông Th không chịu sửa đổi tính tình, gia đình cũng đã khuyên giải vợ chồng nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn nên khoảng một năm nay vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi, nay bà T nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Th.

- *Về con chung*: Bà T xác định bà và ông Th có một con chung là Trần Ngọc Gia H1, sinh ngày 27/5/2016. Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1 khi ly hôn và yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng nhưng tại phiên tòa bà T không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Hân.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà T xác định bà và ông Th không có tài sản chung, không có nợ chung.

** Bị đơn là ông Trần Nguyễn Minh Th vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu ý kiến:***

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là nguyên đơn đơn đã thực hiện đúng quy định nhưng bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Tòa án đã thụ lý vụ án, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của đương sự, xác minh, thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà T ly hôn với ông Th.

- Về quan hệ con chung: đề nghị giao cháu Trần Ngọc Gia H1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: nguyên đơn xác định không có nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:**

[1] Nguyên đơn bà Trương Thị Thùy T khởi kiện về “Ly hôn và tranh chấp về nuôi dưỡng con chung” đối với bị đơn là ông Trần Nguyễn Minh Th có địa chỉ

cư trú tại Số V, đường G, phường H, quận K, TP. Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tòa án nhân dân quận Thanh Khê triệu tập hợp lệ đến tham gia tố tụng tại phiên tòa lần thứ hai đối với bị đơn là ông Trần Nguyễn Minh Th nhưng ông Th vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Về nội dung:**

[1] Quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn ông Trần Nguyễn Minh Th của bà Trương Thị Thùy T thì thấy: bà T và ông Th tuân thủ đầy đủ các quy định về kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, theo nguyên đơn thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn này đã kéo dài, trầm trọng nên yêu cầu ly hôn đối với bị đơn. Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án thể hiện rõ nội dung yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và đã nhiều lần triệu tập bị đơn để tiến hành hòa giải nhưng ông Th không có ý kiến phản hồi và cố tình vắng mặt, việc vắng mặt này cho thấy ông Th không có thiện chí khắc phục, hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng nên HĐXX nghĩ cần căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn với ông Th của bà T.

[2] Quan hệ con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

Xét yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc Gia H1, sinh ngày 27/5/2016 của bà Trương Thị Thùy T thì thấy: hiện tại cháu Hân chưa đủ 36 tháng và đang sinh sống cùng với bà T nên cần tiếp tục giao cháu Hân cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét vấn đề này.

[3] Quan hệ tài sản chung và nợ chung: nguyên đơn xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung; quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có ý kiến gì về những nội dung này nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, nguyên đơn Trương Thị Thùy T phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39;

Điều 147; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của UBTV Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Trương Thị Thùy T ly hôn đối với ông Trần Nguyễn Minh Th.

2. Về con chung: Giao cho bà Trương Thị Thùy T trực tiếp nuôi con chung là Trần Ngọc Gia H1, sinh ngày 27/5/2016 đến khi thành niên. Ông Trần Nguyễn Minh Th không cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi dưỡng vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Trương Thị Thùy T phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ; được khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu số 7928 ngày 26.12.2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Trương Thị Thùy T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Nguyễn Minh Th được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Hậu

[3] Quan hệ tài sản chung và nợ chung: cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất xác định ông bà không có tài sản chung, không có nợ chung nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, nguyên đơn Hồ Thị Hồng phải án phí ly hôn là 300.000 đồng, bị đơn Phạm Văn Viết Tân phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của UBTV Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Hồ Thị Hồng và ông Phạm Văn Viết Tân.

2. Về con chung: Giao cho bà Hồ Thị Hồng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Hồ Quỳnh Anh, sinh ngày 25/5/2012. Buộc ông Tân phải cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Quỳnh Anh là 2.000.000đ/tháng, thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng vào ngày 20 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 5/2018 cho đến khi cháu Quỳnh Anh đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

- Án phí HNGĐ sơ thẩm: 300.000đ bà Hồ Thị Hồng phải chịu; được khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu số 7859 ngày 27.11.2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà Hồng đã nộp đủ án phí.

- Án phí DSST về cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) ông **Phạm Văn Viết Tân phải chịu.**

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Hậu